TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 12/5/2020
V/v:"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Bế Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Long Văn Thanh

2. Bà Vũ Kim Hoa

Thư ký phiên toà: Ông Lục Đức Long - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Mạnh Thông – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc ***" Ly hôn, tranh chấp về nuôi con "*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2020/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lưu Bắc H - sinh năm 1982;

Địa chỉ: xóm T, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng.

- *Bị đơn:* Chị Lương Thị Thuần A - sinh năm 1985

Địa chỉ: Xóm V (nay là xóm N), xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

(Các bên đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2019 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn anh Lưu Bắc H trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị Lương Thị Thuần A kết hôn năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu và được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương; trong quá trình chung sống không hợp nên đã ra tòa ly hôn vào năm 2014. Đến năm 2017 kết hôn lại và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng ngày 08/02/2017.

Về quá trình chung sống vợ chồng: Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và đã có 01 con chung. Đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay xảy ra cãi vã, to tiếng với nhau. Năm 2014 anh và chị A đã giải quyết ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, năm 2017 anh và chị A lại đoàn tụ vợ chồng và đi đăng ký kết hôn lại. Tuy nhiên, kể từ sau khi kết hôn lại giữa vợ chồng vẫn xảy ra nhiều mâu thuẫn về quan điểm sống, vợ chồng anh không tìm được tiếng nói chung. Quá trình mâu thuẫn không xảy ra xô sát, thương tích gì. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình và bản thân hai vợ chồng tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ tháng 02 năm 2019 đến nay vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay, anh H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị A.

- Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Lưu Thị Phương T, sinh ngày 03/12/2009, giới tính: nữ. Hiện nay con đang ở với chị A tại xóm N, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Theo ý kiến, nguyện vọng của con muốn ở với mẹ, nên sau khi ly hôn con chung sẽ giao cho chị A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục chung. Anh H sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng kể từ khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 25/02/2020 và tại phiên tòa bị đơn chị Lương Thị Thuần A trình bày:

- Về hôn nhân: chị A xác nhận về điều kiện, thời gian kết hôn với anh H đúng như anh H đã trình bày.

Về quá trình chung sống vợ chồng: Do điều kiện công việc, chị A đi làm ở thành phố C đến cuối tuần mới có thời gian nghỉ nên vợ chồng không thường xuyên gặp nhau, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, không nói chuyện được với nhau. Chị A cũng xác nhận vợ chồng đã giải quyết ly hôn 01 lần tại Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, sau đó vì thương con và hai bên gia đình tác động nên chị và anh H đã quay lại đoàn tụ vợ chồng và đi đăng ký kết hôn lại vào năm 2017. Tuy nhiên, vợ chồng chỉ hàn gắn với nhau được một thời gian ngắn, sau đó lại tiếp tục xảy ra nhiều mâu thuẫn, luôn xảy ra nhiều bất hòa, cãi vã. Từ đầu năm 2019 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Tuy nhiên, chị A xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị A không nhất trí ly hôn, chị A yêu cầu được đoàn tụ vợ chồng.

Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Lưu Thị Phương T, sinh ngày 03/12/2009. Hiện nay con đang ở với tôi. Trường hợp ly hôn chị A có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và yêu cầu anh H có nghĩa vụ đóng góp tiền nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng kể từ khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lưu Bắc H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn chị Lương Thị Thuần

A. Bị đơn chị Lương Thị Thuần A không nhất trí ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn anh Lưu Bắc H, chị A yêu cầu được đoàn tụ vợ chồng. Trường hợp tòa giải quyết ly hôn, bị đơn chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về vấn đề nuôi con chung và tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa phát biểu:

1.Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định của pháp luật..

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lưu Bắc H.

Về con chung: Giao con chung là Lưu Thị Phương T - sinh ngày 03/12/2009 cho chị Lương Thị Thuần A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh Lưu Bắc H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đ/tháng.

Về án phí: Anh Lưu Bắc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ của vụ án đã được thẩm tra, trên cơ sở những lời trình bày và kết quả tranh luận của đương sự tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: anh Lưu Bắc H kết hôn với chị Lương Thị Thuần A, địa chỉ: xóm N, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng theo giấy chứng nhân kết hôn số 02/2017 ngày 08/02/2017 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng. Nay, anh H khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, giải quyết vấn đề nuôi con chung khi ly hôn với chị A, nên quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lưu Bắc H và chị Lương Thị Thuần A có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng vào ngày 08/02/2017 trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau. Do vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị A là hợp pháp.

Về quá trình chung sống vợ chồng: Anh H và chị A đều xác nhận là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung với nhau, giữa vợ chồng không có sự chia sẻ, gắn bó. Từ đầu năm 2019 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Trong khoảng thời gian sống ly thân cả hai vợ chồng đã không tạo điều kiện, cơ hội để cùng nhau xây dựng lại cuộc sống vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, phân tích, giải thích theo pháp luật về tình nghĩa vợ chồng, trách nhiệm của bản thân đối với gia đình để cố gắng hàn gắn hôn nhân cho hai anh chị nhưng không thành. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh H và chị A không còn khả năng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm gia đình. Bởi lẽ, quá trình mẫu thuẫn vợ chồng đã được các bên cùng thừa nhận là được hai bên gia đình và bản thân hai vợ chồng tự hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh H và chị A cùng xác nhận năm 2014 đã giải quyết ly hôn một lần tại Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, sau đó vì thương con và hai bên gia đình tác động, cả hai đã quay lại đoàn tụ vợ chồng và đi đăng ký kết hôn lại vào năm 2017. Tuy nhiên, vợ chồng chỉ hàn gắn với nhau được một thời gian ngắn sau đó lại tiếp tục xảy ra nhiều mâu thuẫn, luôn xảy ra nhiều bất hòa, cãi vã. Từ đầu năm 2019 đến nay vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét yêu cầu của anh H là có cơ sở bởi hôn nhân cần được xây dựng trên nền tảng của sự yêu thương, tôn trọng, chia sẻ, giúp đỡ nhau, nhưng anh H đã không nhận được từ chị A sự sẻ chia đó, do vậy mục đích hôn nhân đã không đạt được. Còn chị A cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn và cho rằng anh H có quan hệ bất chính với người khác, nhưng chị A không đưa ra được căn cứ gì để chứng minh việc anh H có quan hệ với người phụ nữ khác, chị A không nhất trí ly hôn nhưng chị A cùng thừa nhận đã sống ly thân với anh H từ đầu năm 2019 đến nay; chị A không có giải pháp khắc phục để quan hệ hôn nhân được cải thiện như chị đã có yêu cầu được đoàn tụ vợ chồng, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét, giải quyết. Do vậy, cuộc hôn nhân giữa anh Lưu Bắc H và chị Lương Thị Thuần A cần căn cứ Điều 51 "Quyền yêu cầu giải quyết ly hôn", Điều 56 "Ly hôn theo yêu cầu của một bên" Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H.

[3] Về con chung: Anh H và chị A cùng xác nhận có một con chung tên Lưu Thị Phương T, sinh ngày 03/12/2009. Hiện nay, con đang ở với chị A tại xóm N, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay cháu Lưu Thị Phương T đang sinh sống cùng chị Lương Thị Thuần A, theo nguyện vọng của cháu T khi bố mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng được sinh sống cùng mẹ để đảm bảo việc quan tâm chăm sóc và học tập. Xét về điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con chung của chị A sẽ đảm bảo và có điều kiện chăm sóc con chung hơn anh H nên không cần thiết phải thay đổi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà vẫn đảm bảo điều kiện cho con chung là cháu Lưu Thị Phương T được học tập, sinh hoạt ổn định cũng như quyền lợi mọi mặt cho con. Nên cần giao con chung Lưu Thị Phương T cho chị Lương Thị Thuần A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Xét thỏa thuận của anh H và chị A tại phiên tòa hôm nay về việc sau khi ly hôn sẽ giao con chung cho chị A là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh H có nghĩa vụ đóng góp tiền nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng kể từ khi ly hôn đến khi con chung đủ 18 tuổi. Căn cứ vào Điều 58 "Quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con sau khi ly hôn"; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự. Vì quyền lợi của con, việc trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng con chung có thể thay đổi. Anh Lưu Bắc H được quyền đi lại thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai có quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: anh H và chị A đều xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lưu Bắc H với chị Lương Thị Thuần A.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh H và chị A về việc sau khi ly hôn giao con chung tên Lưu Thị Phương T, sinh ngày 03/12/2009 cho chị Lương Thị Thuần A là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh H có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con chung là 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con khi xét thấy cần thiết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh H và chị A cùng xác nhận không có tài sản chung và vay, nợ chung vợ chồng. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Lưu Bắc H phải chịu 300.000 đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, 300.000 đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sung công quỹ Nhà nước. Tổng cộng, anh H phải nộp 600.000 đ *(sáu trăm nghìn đồng)* sung quỹ Nhà nước. Nhưng được đối trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đ *(ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0000644 ngày 17/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Nay, anh H còn phải nộp 300.000 đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

Bế Lan Phương